

BƯỚC PHÁT TRIỂN TƯ DUY CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ THỜI KỲ ĐỔI MỚI

THE EVOLUTION OF THE COMMUNIST PARTY OF VIETNAM'S PERCEPTION ON INTERNATIONAL INTEGRATION IN DOI MOI ERA

Trần Thị Thu

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng; ttthu@ufl.udn.vn

Tóm tắt - Tư tưởng mở cửa, hợp tác và hội nhập với thế giới của Việt Nam đã được hình thành từ những ngày đầu tiên của nền ngoại giao Việt Nam hiện đại, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bước sang thời kỳ Đổi Mới, vận dụng sáng tạo Tư tưởng Hồ Chí Minh về hợp tác và hội nhập quốc tế, Đảng Cộng sản Việt Nam đã từng bước hoàn thiện, bổ sung và phát triển tư duy về hội nhập quốc tế trên cơ sở đánh giá tình hình thế giới, quan hệ quốc tế, các xu thế mới, các mối tương quan giữa Việt Nam và thế giới cũng như những cơ hội và thách thức đối với Việt Nam trong việc thực hiện các mục tiêu đảm bảo an ninh, phát triển và nâng cao vị thế của đất nước. Bài viết tập trung tìm hiểu quá trình phát triển tư duy của Đảng Cộng sản Việt Nam về hội nhập quốc tế, nhân tố quan trọng góp phần đem lại những thành tựu đáng kể trong sự nghiệp đổi mới đất nước nói chung và đổi mới về đối ngoại nói riêng.

Từ khóa - hội nhập quốc tế; tư duy đối ngoại; quan hệ đối ngoại; thời kỳ Đổi Mới; Đảng Cộng sản Việt Nam

Abstract - The idea of Vietnam's opening, cooperating and integrating into the world has been sprung up in the very early days of the modern Vietnamese diplomacy under the leadership of President Ho Chi Minh. In the Doi Moi era, with creative application of Ho Chi Minh's Thoughts on international cooperation and integration, the Communist Party of Vietnam has gradually supplemented, improved and developed its perception on international integration in accordance with the evaluation of the world situation, international relations, new trends, the interactive relations between Vietnam and the world, opportunities and challenges for Vietnam in realizing the goals of security, development and raising its position in the international arena. The research paper will focus on studying the evolution of the Communist Party of Vietnam's perception on international integration, a crucial factor contributing to significant achievements in the cause of national renovation in general and foreign policy renewal in particular.

Key words - international integration; foreign policy perception; foreign relations; Doi Moi era; Vietnam's Communist Party

1. Khái niệm hội nhập quốc tế

Thuật ngữ “hội nhập quốc tế” trong tiếng Việt có nguồn gốc dịch từ tiếng nước ngoài (tiếng Anh là *international integration*, tiếng Pháp là *intégration internationale*). Tiến sĩ Phạm Quốc Trụ (Học viện Ngoại giao) cho rằng, đây là một khái niệm được sử dụng chủ yếu trong các lĩnh vực chính trị học quốc tế và kinh tế quốc tế, ra đời vào khoảng giữa thế kỷ XX ở châu Âu, trong bối cảnh những người theo trường phái thể chế chủ trương thúc đẩy sự hợp tác và liên kết giữa các cựu thù (Đức – Pháp) nhằm tránh nguy cơ tái diễn chiến tranh thế giới thông qua việc xây dựng Cộng đồng châu Âu [7, tr.143-144].

Thuật ngữ “hội nhập quốc tế” chỉ mới được sử dụng nhiều từ giữa những năm 1990 đến nay, trong bối cảnh Chiến tranh Lạnh kết thúc, tất cả các quốc gia trên thế giới đều phải điều chỉnh chính sách đối ngoại của mình. Đó cũng là thời điểm Việt Nam bắt đầu thúc đẩy chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, tích cực triển khai các nỗ lực bình thường hóa quan hệ với các nước lớn, gia nhập các định chế, tổ chức kinh tế khu vực. Trong cuốn sách *Hội nhập quốc tế và giữ vững bản sắc* do Bộ Ngoại giao Việt Nam xuất bản năm 1995, thay vì sử dụng thuật ngữ “hội nhập”, trong một số bài viết, các tác giả dùng từ “hòa nhập”. Đơn cử như trong bài viết “Thế giới sau Chiến tranh Lạnh và châu Á – Thái Bình Dương”, khi đề cập đến quan hệ Việt Nam – ASEAN, Cố Thứ trưởng Ngoại giao Trần Quang Cơ đã nhấn mạnh: “*Sự hợp tác giữa Việt Nam và ASEAN để thúc đẩy quá trình hòa nhập là sự nỗ lực và đóng góp chung của cả hai phía, vì những mục tiêu và theo những nguyên tắc đã thỏa thuận. Hòa nhập không có nghĩa là Việt Nam cần được lấp ghép vào ASEAN như là một thành phần phụ trợ*” [1, tr.148]. Trong bài viết “Trên đường triển khai chính sách đối ngoại

theo định hướng mới”, Nguyên Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm đã nhận định: “*Trên thực tế, sự hòa nhập của Việt Nam vào những quá trình chung của loài người sẽ được thực hiện ở hai phạm vi: cộng đồng khu vực và cộng đồng thế giới. Chính sách khu vực sở dĩ cần đặc biệt coi trọng vì tính chất địa lý – chính trị của nó, đồng thời vì nó là sự “bắc cầu” vào thế giới*” [1, tr.161].

Có thể nói, cho tới nay, trong giới nghiên cứu và hoạch định chính sách ở Việt Nam cũng còn những ý kiến khác nhau về vấn đề “hội nhập quốc tế”. Tiến sĩ Phạm Quốc Trụ cho rằng: “*Hội nhập quốc tế được hiểu như là quá trình các nước tiến hành các hoạt động tăng cường sự gắn kết họ với nhau dựa trên sự chia sẻ về lợi ích, mục tiêu, giá trị, nguồn lực, quyền lực (thậm quyền định đoạt chính sách) và tuân thủ các luật chơi chung trong khuôn khổ các định chế hoặc tổ chức quốc tế*” [7, tr.147]. Trong bài viết “Bàn thêm về khái niệm ‘hội nhập quốc tế’ của Việt Nam trong giai đoạn mới”, tác giả Đặng Đình Quý đã đề cập đến khái niệm và nội hàm của hội nhập quốc tế của Việt Nam hiện nay là: “*Hội nhập quốc tế là hình thức phát triển cao của hợp tác quốc tế, là quá trình chủ động chấp nhận, áp dụng và tham gia xây dựng các luật lệ và chuẩn mực quốc tế nhằm phục vụ tối đa lợi ích quốc gia, dân tộc*” [11]. PGS.TS. Dương Văn Quảng trong bài viết “Suy nghĩ về chiều sâu và tính hiệu quả của hội nhập quốc tế từ Đại hội Đảng lần thứ XI đến nay” cho rằng: “*Hội nhập quốc tế là một quá trình cả về nhận thức và hành động, trong đó, Việt Nam trước hết là chấp nhận và sau đó là tự nguyện tham gia vào đời sống quốc tế*” [2, tr.19]. Chia sẻ khái niệm hội nhập quốc tế của tác giả Đặng Đình Quý ở trên, PGS.TS. Dương Văn Quảng cũng cho rằng, theo tiến trình lịch sử, loài người đi từ hợp tác đến hội nhập. Tuy nhiên, sự khác biệt về chất giữa hợp tác và hội nhập là khả năng lựa chọn và khả năng hành

động, theo đó *“trong hợp tác, quốc gia này hay quốc gia kia có khả năng lựa chọn, nhưng trong hội nhập, ai chấp nhận luật chơi mới được tham gia”* [2, tr.19].

2. Quá trình phát triển tư duy của Đảng Cộng sản Việt Nam về hội nhập quốc tế

Đổi mới tư duy đối ngoại nói chung, phát triển và đổi mới tư duy về hội nhập quốc tế nói riêng trong thời kỳ Đổi Mới là một quá trình liên tục, từ thấp đến cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện. Việc đổi mới tư duy đối ngoại và tư duy về hội nhập quốc tế của Việt Nam được thể hiện qua các văn kiện của Đảng, được thông qua tại các kỳ Đại hội, các Hội nghị của Ban chấp hành Trung ương, Hội nghị Bộ Chính trị của Đảng và qua các chính sách của Nhà nước.

2.1. Thời kỳ trước Đổi Mới

Tư tưởng mở cửa, hội nhập với khu vực và thế giới của Việt Nam đã được hình thành từ rất sớm, thể hiện rõ nét trong các văn kiện và động thái ngoại giao đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nhận thức được tầm quan trọng của một tổ chức đa phương mang tính toàn cầu như Liên hợp quốc nên từ đầu năm 1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhân danh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nộp đơn xin gia nhập Liên hợp quốc. Tuy vậy, tương quan lực lượng tại Liên hợp quốc và trên thực tế thời điểm đó Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chưa được nước nào trên thế giới công nhận nên việc gia nhập tổ chức quốc tế lớn nhất hành tinh này chưa thể thực hiện được. Sau đó, trong *“Lời kêu gọi Liên hợp quốc”* tháng 12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã long trọng tuyên bố: *“Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực”* [12, tr.523]. Cụ thể hóa chủ trương trên, Người khẳng định: *“Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình; sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay và đường sá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế; chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc”* [12, tr.523]. Tuy vậy, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chưa thể thực hiện được việc hội nhập quốc tế theo những tư tưởng nêu trên do hoàn cảnh chiến tranh và chính sách thù địch của một số nước lớn.

Sau khi Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết, Việt Nam đã xúc tiến những bước đi đầu tiên khai thông quan hệ với các nước ASEAN bằng việc thiết lập quan hệ ngoại giao với Malaysia và Singapore từ năm 1973. Ngày 05/7/1976, Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã chủ động đưa ra sáng kiến cải thiện quan hệ với các nước khu vực thông qua *Chính sách bốn điểm*, nêu rõ Việt Nam *“sẵn sàng thiết lập và phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trong khu vực này trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không xâm lược nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi, cùng tồn tại trong hoà bình”* [13]. Tuy nhiên, do cả hai phía còn tồn tại những nghi ngại lẫn nhau cộng với một số trở lực khách quan nên bước hội nhập chính trị của Việt Nam vào khu vực Đông Nam Á chưa đạt kết quả đáng kể. Năm 1977, sau nhiều lần gửi thư xin gia nhập Liên hợp quốc, Việt Nam đã chính thức được kết nạp là thành viên thứ 149 của tổ chức quốc tế lớn nhất hành tinh này. Đây là sự kiện rất quan trọng đánh dấu bước hội nhập quốc tế trên lĩnh vực

chính trị của Việt Nam trước thời kỳ Đổi Mới.

Về tư duy hội nhập kinh tế quốc tế, Đại hội lần thứ IV của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1976 đã nhấn mạnh vai trò của kinh tế đối ngoại: *“Tăng cường quan hệ kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, thực hiện sự phân công, hợp tác, tương trợ trên tinh thần quốc tế xã hội chủ nghĩa; đồng thời phát triển quan hệ kinh tế với các nước khác trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền và các bên cùng có lợi. Phải thông qua các quan hệ quốc tế mà tranh thủ kỹ thuật tiên tiến, thực hiện phân công lao động hợp lý hơn và nâng cao hiệu quả của lao động trong nước, phục vụ tốt công cuộc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và cải thiện từng bước đời sống nhân dân”* [15]. Do bối cảnh Chiến tranh Lạnh và sự chi phối của yếu tố ý thức hệ nên Việt Nam đã phát triển quan hệ cũng như tham gia vào các cơ chế hợp tác của các nước xã hội chủ nghĩa trong khuôn khổ Hội đồng Tương trợ Kinh tế (SEV/COMECON) từ năm 1978. Tuy vậy, cơ hội hội nhập sâu trong khối SEV bị hạn chế do hoạt động của SEV chủ yếu dựa vào cơ chế xin – cho song phương, và từ giữa những năm 1970 trở đi, tình hình kinh tế - xã hội của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa thành viên xuất hiện sự trì trệ và mất ổn định. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng từng bước cải thiện quan hệ kinh tế với một số nước tư bản chủ nghĩa dựa trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi. Quan hệ kinh tế của Việt Nam còn được thúc đẩy trong các cơ cấu hợp tác đa phương giữa các nước đang phát triển như Nhóm 77, Phong trào Không liên kết,...

Có thể thấy, bối cảnh Chiến tranh Lạnh với trật tự thế giới hai cực và thực tiễn lịch sử trong nước đã tác động rất lớn tới tư duy của Việt Nam trong triển khai công tác đối ngoại nói chung và hội nhập quốc tế nói riêng thời kỳ trước Đổi Mới. Những kết quả hội nhập khu vực và quốc tế nêu trên cho thấy, trong thời kỳ này, Việt Nam đã thấy được nhu cầu và phần nào xu thế mở rộng quan hệ, hội nhập quốc tế nhằm bảo vệ các lợi ích quốc gia, dân tộc của mình nhưng chưa nhận thức hết được mức độ của nó. Đặc biệt, sự lựa chọn *“nhất biên đảo”* với Liên Xô và phát triển quan hệ toàn diện với các nước xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn 1976 – 1986 do không nắm bắt được xu thế chuyển từ đối đầu sang hòa hoãn giữa các nước lớn và chạy đua kinh tế trên thế giới đã dẫn đến những hạn chế về đối ngoại cũng như hội nhập quốc tế của Việt Nam giai đoạn này.

2.2. Thời kỳ Đổi Mới

Mặc dù thực tiễn hội nhập quốc tế của Việt Nam đã được manh nha từ trước Đổi Mới nhưng có thể nói, quá trình phát triển tư duy của Đảng Cộng sản Việt Nam về hội nhập quốc tế thực chất chỉ bắt đầu cùng với sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước, trong đó có đổi mới về đối ngoại, được Đại hội VI (năm 1986) khởi xướng. Bước vào thời kỳ Đổi Mới, đứng trước yêu cầu cấp bách phải đưa nền kinh tế nhanh chóng vượt ra khỏi khủng hoảng, phá thế bị bao vây cấm vận của chủ nghĩa tư bản, đường lối mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế của Việt Nam ngày càng được bổ sung, hoàn thiện và được thực hiện tích cực hơn.

Báo cáo chính trị Đại hội VI của Đảng nhận định: *“Một đặc điểm nổi bật của thời đại là cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật đang diễn ra mạnh mẽ, tạo thành bước phát triển nhảy vọt của lực lượng sản xuất và đẩy nhanh quá trình quốc tế hóa các lực lượng sản xuất”* [16]. Từ đó, Báo cáo nêu nhiệm vụ: *“sử dụng tốt mọi khả năng mở rộng quan hệ thương mại, hợp tác kinh tế*

và khoa học, kỹ thuật với bên ngoài để phục vụ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội” [16]. Sau gần hai năm thực hiện đường lối đổi mới, ngày 20/5/1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 13/NQ-TW “Về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới”. Đây là một văn kiện rất quan trọng thể hiện bước đột phá trong nhận thức về đối ngoại của Việt Nam thời kỳ Đổi Mới, như lời nhận xét của Cố Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch: “*Nghị quyết 13 về đối ngoại của Bộ Chính trị là một cuộc đổi mới mạnh mẽ tư duy trong việc đánh giá tình hình thế giới, trong việc đề ra mục tiêu và chuyển hướng toàn bộ chiến lược đối ngoại của ta*” [9, tr.8]. Trong đó, mục tiêu đối ngoại được Nghị quyết khẳng định “*lợi ích cao nhất của Đảng và nhân dân ta là phải củng cố và giữ vững hòa bình để tập trung sức xây dựng và phát triển kinh tế*” [9, tr.7]. Với quan điểm mới về an ninh và phát triển, và phương hướng ưu tiên “xây dựng và phát triển kinh tế” được đưa lên hàng đầu, Nghị quyết đã phản ánh nhận thức đúng đắn của Đảng về xu thế mới trong quan hệ quốc tế giai đoạn cuối Chiến tranh Lạnh và bước chuyển kịp thời trong tư duy về đối ngoại và hội nhập quốc tế của Việt Nam, làm tiền đề cho những bước hội nhập mạnh mẽ trên lĩnh vực kinh tế thời kỳ đầu Đổi Mới.

Tiếp tục đổi mới tư duy trong việc đánh giá tình hình thế giới và nhấn mạnh quan điểm về việc kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới của tình hình thế giới, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội do Đại hội VII thông qua năm 1991 đã khẳng định: “*Chúng ta đã xây dựng được một số cơ sở vật chất ban đầu. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, cùng với xu thế quốc tế hóa đời sống kinh tế thế giới là một thời cơ để phát triển*” [5]. Do đó “*chúng ta phải tiếp tục nâng cao ý chí tự lực tự cường, phát huy mọi tiềm năng vật chất và trí tuệ của dân tộc đồng thời mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế*” [5].

Có thể nói, cho đến Đại hội VII (1991), khái niệm hội nhập quốc tế chưa xuất hiện trong đời sống chính trị Việt Nam, nhưng nhận thức của Đảng về quá trình “quốc tế hóa đời sống kinh tế” và “hợp tác quốc tế” là tiền đề quan trọng để phát triển tư duy về hội nhập quốc tế. Trong thời kỳ này, trên thực tế, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đã bắt đầu diễn ra với việc Việt Nam bình thường hóa quan hệ với các thể chế tài chính – ngân hàng khu vực và thế giới như: Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và Ngân hàng Thế giới (WB) vào tháng 10/1993 sau những bước phát triển mới trong tiến trình bình thường hóa quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ. Đó cũng là những bước đi cụ thể hóa chủ trương “*khai thông quan hệ với các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế*” được đưa ra trong Nghị quyết số 03-NQ/TW của Hội nghị Trung ương lần thứ 3 khóa VII (tháng 6/1992). Bên cạnh đó, Nghị quyết số 03-NQ/TW (1992) cũng chính thức xác định phương châm: “*Tham gia hợp tác khu vực, đồng thời mở rộng quan hệ với tất cả các nước*” [6, tr.91]. Đây là phương châm định hướng cho việc Việt Nam gia nhập ASEAN, bước hội nhập khu vực vô cùng quan trọng, làm nền tảng và bắc cầu cho hội nhập liên khu vực và toàn cầu của Việt Nam trong những giai đoạn tiếp theo. Trong thời gian này, Việt Nam cũng tham gia một số cơ chế hợp tác kinh tế tiểu khu vực như Hợp tác Tiểu vùng Mekong mở rộng (GMS), Hành lang kinh tế Đông – Tây (EWEC), ...

Thuật ngữ “hội nhập” bắt đầu được đề cập lần đầu tiên trong Báo cáo chính trị Đại hội VIII của Đảng (năm 1996): “*Xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế*

giới, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả” [17]. Trước khi khái niệm “hội nhập” được đưa vào các văn kiện chính sách, ở Việt Nam đã có một số thử nghiệm về ngôn ngữ liên quan tới khái niệm này, đó là khái niệm “nhất thể hóa”, sau đó là khái niệm “hòa nhập” (như đã đề cập ở trên). Hai khái niệm này tuy thể hiện khá chính xác nội hàm của tiến trình hội nhập, nhưng dễ gây tâm lý lo ngại về nguy cơ mất bản sắc và độc lập tự chủ, do đó thuật ngữ “hội nhập” được sử dụng và trở thành khái niệm chính thức trong văn kiện của Đảng kể từ năm 1996. Triển khai chủ trương “hội nhập với khu vực và thế giới”, trong giai đoạn này, Việt Nam đã đẩy mạnh quá trình tham gia vào các thể chế ở cấp độ khu vực và liên khu vực như: gia nhập ASEAN năm 1995, ký Hiệp định khung hợp tác Việt Nam – EU (FCA) năm 1995, gia nhập Diễn đàn Hợp tác Á – Âu (ASEM) năm 1996, trở thành thành viên của Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC) năm 1998. Cũng trong năm 1995, Việt Nam đã nộp đơn xin gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), đánh dấu sự khởi đầu của nỗ lực hội nhập kinh tế ở cấp độ toàn cầu.

Đến Đại hội IX (năm 2001), chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện và phát triển: “*Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường*” [3, tr.43]. Nhằm cụ thể hóa đường lối hội nhập đó, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 27/11/2001 về hội nhập kinh tế quốc tế, trong đó làm rõ hơn mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, nội dung và nhiệm vụ cụ thể của hội nhập kinh tế quốc tế. Giai đoạn này, hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam đã bắt đầu đi vào chiều sâu với việc ký kết Hiệp định Thương mại song phương (BTA) với Hoa Kỳ năm 2001, thực hiện AFTA, đẩy nhanh tiến trình đàm phán gia nhập WTO,...

Đại hội X (năm 2006) tái khẳng định chủ trương “*chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình*” và nêu định hướng “*đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác*” [18]. Với định hướng này, hợp tác quốc tế của Việt Nam trong các lĩnh vực quốc phòng - an ninh, văn hóa - xã hội được đẩy mạnh, nhất là trong khuôn khổ các cơ chế hợp tác của ASEAN và do ASEAN làm trung tâm. Tại Đại hội XI, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có thêm một bước phát triển tư duy quan trọng với việc chuyển từ “*hội nhập kinh tế quốc tế*” sang “*chủ động và tích cực hội nhập quốc tế*” [4, tr.35], tức là mở rộng phạm vi, lĩnh vực và tính chất của hội nhập trên cơ sở những thành tựu đã đạt được của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ở tất cả các cấp độ.

Trong giai đoạn giữa Đại hội X và Đại hội XI, đã có những thay đổi về chất trong tiến trình hội nhập quốc tế với đỉnh cao là việc Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của WTO (năm 2007). Những năm sau đó, Việt Nam đã đàm phán và ký kết nhiều hiệp định FTA song phương và khu vực, như: Hiệp định Đối tác kinh tế Việt Nam - Nhật Bản (JVEPA) năm 2008; khởi động tiến trình đàm phán Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) năm 2010; ký Hiệp định Đối tác và Hợp tác toàn diện Việt Nam - EU (PCA) năm 2012; FTA của ASEAN với các đối tác (Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, ...). Cũng trong giai đoạn này, hợp tác quốc

phòng - an ninh được mở rộng với việc Việt Nam tham gia một số cơ chế đối thoại khu vực và liên khu vực về an ninh - quốc phòng như: Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN (ADMM), Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN mở rộng (ADMM+), Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS), Đối thoại Shangri-La...

Để cụ thể hóa chủ trương “hội nhập quốc tế” đã đưa ra trong văn kiện Đại hội XI, ngày 10/4/2013, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 22-NQ/TW về hội nhập quốc tế. Nghị quyết đã chỉ rõ mục tiêu, quan điểm chỉ đạo và các định hướng triển khai hội nhập quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị - ngoại giao, an ninh - quốc phòng, văn hóa - xã hội,... Ngày 07/01/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 40/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược tổng thể hội nhập quốc tế đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 của Việt Nam.

Đại hội XII của Đảng (năm 2016) đề ra chủ trương “*Triển khai mạnh mẽ định hướng chiến lược chủ động và tích cực hội nhập quốc tế*”, nêu rõ các quan điểm chỉ đạo và các định hướng lớn của hội nhập quốc tế trong từng lĩnh vực để nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế toàn diện. Theo đó, trong thời gian tiếp đến, hội nhập kinh tế quốc tế tập trung vào việc triển khai hiệu quả các cam kết quốc tế, nhất là đối với các hiệp định khu vực mậu dịch tự do mới ký kết; hội nhập trong lĩnh vực chính trị chú trọng việc đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, nhất là các đối tác có vai trò quan trọng đối với phát triển và an ninh của đất nước, đưa các khuôn khổ đã được xác lập đi vào thực chất; chủ động, tích cực tham gia các cơ chế đa phương về quốc phòng, an ninh, trong đó có việc tham gia các hoạt động hợp tác ở mức cao hơn như hoạt động gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc, diễn tập về an ninh phi truyền thống và các hoạt động khác; đẩy mạnh hội nhập trong các lĩnh vực văn hóa, xã hội, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo và các lĩnh vực khác [19]. Các thành tựu nổi bật nhằm cụ thể hóa chủ trương hội nhập quốc tế nêu trên có thể kể đến như: Việt Nam đã trúng cử vào Ủy ban Luật pháp quốc tế của Liên hợp quốc tháng 11/2016 và Ủy ban Luật thương mại quốc tế của Liên hợp quốc (UNCITRAL) nhiệm kỳ 2019-2025; tham gia Phái bộ gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc; phê chuẩn Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) tháng 12/2018; vận động để nhiều di sản thiên nhiên, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được UNESCO công nhận; tham gia và đóng góp ngày càng chủ động và tích cực cho Cộng đồng ASEAN...

Có thể nói, trong quá trình đổi mới toàn diện đất nước, nhận thức về hội nhập quốc tế của Việt Nam cũng từng bước được hoàn thiện, bổ sung và phát triển phù hợp với mỗi chặng đường phát triển của đất nước trong bối cảnh tình hình khu vực và thế giới có những chuyển động không ngừng. Trong những năm đầu của thời kỳ Đổi Mới, bước đi hội nhập của Việt Nam còn chậm, lĩnh vực hội nhập còn hẹp, và hoạt động hội nhập còn hạn chế do tư duy hội nhập còn dè dặt, thể hiện qua những “thử nghiệm” về ngôn ngữ cho tới chủ trương về hội nhập. Tuy vậy, đây được coi như giai đoạn mang tính chuyển đổi quan trọng trong tư duy đổi mới ngoại nói chung và hội nhập quốc tế nói riêng của Việt Nam với những nghiên cứu, thử nghiệm mang tính đột phá, tạo tiền đề cho quá trình tăng tốc hội nhập ở giai đoạn sau. Bước sang thế kỷ XXI, đặc biệt từ Đại hội XI (2011) trở lại đây, tư duy hội nhập quốc tế của Việt Nam đã phát triển

lên một tầm cao mới, thể hiện nhận thức sâu sắc của Việt Nam về tầm xu thế lớn của thời đại và thực tiễn trong nước, phù hợp với thể và lực mới của đất nước, đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp phát triển và bảo vệ Tổ quốc.

2.3. Một số nhận xét về quá trình phát triển tư duy của Đảng Cộng sản Việt Nam về hội nhập quốc tế trong thời kỳ Đổi Mới

Vận dụng và phát triển sáng tạo Tư tưởng Hồ Chí Minh về hợp tác và hội nhập quốc tế, kể từ năm 1986, cùng với quá trình đổi mới bên trong và mở rộng hợp tác với bên ngoài, tư duy của Đảng Cộng sản Việt Nam về hội nhập quốc tế đã liên tục phát triển, các hoạt động hội nhập quốc tế, với hội nhập kinh tế quốc tế là trọng tâm khởi đầu, cũng liên tục được đẩy mạnh cả về bề rộng và chiều sâu. Có thể tổng hợp một số nét cơ bản về bước phát triển trong tư duy về hội nhập quốc tế của Việt Nam thời kỳ Đổi Mới như sau:

Thứ nhất, Việt Nam đã sớm nhận thức được hội nhập quốc tế là một xu thế lớn và một quá trình tất yếu của quan hệ quốc tế từ khi hòa giải Đông - Tây lan tỏa và Chiến tranh Lạnh đi vào giai đoạn kết thúc. Quá trình này thu hút sự tham gia của hầu hết các quốc gia trên thế giới, và Việt Nam cũng không phải là trường hợp ngoại lệ. Bước phản ứng đầu tiên của Việt Nam trước xu thế chung này là chính sách đổi mới và mở cửa từ năm 1986. Mặc dù vậy, nhận thức về hội nhập quốc tế của Việt Nam ở thời kỳ đầu Đổi Mới còn cầm chừng, tập trung chủ yếu vào sự cần thiết phải “quốc tế hóa các lực lượng sản xuất trong nước” và “tham gia vào phân công lao động quốc tế”. Quan điểm, nhận thức về những chuyển biến mới trên thế giới, có lúc, có nơi còn chưa theo kịp diễn biến tình hình, dẫn tới sự chậm trễ trong việc đưa ra các quyết sách kịp thời, mạnh dạn, phù hợp, đặc biệt trong chủ trương và bước đi cải thiện quan hệ với các đối tác quan trọng như ASEAN và Mỹ.

Thứ hai, Việt Nam nhìn nhận hội nhập quốc tế là một lộ trình dài, cần được triển khai một cách tịnh tiến, từ thụ động (tham gia các tổ chức quốc tế, chấp nhận “luật chơi” quốc tế) đến tích cực, chủ động (đóng góp vào quá trình xây dựng “luật chơi”) nhằm phục vụ tối đa lợi ích quốc gia. Hiện tại, công việc chính trong quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam vẫn là thực hiện các cam kết quốc tế, trong đó chủ yếu là các cam kết về thực hiện những chuẩn mực mà Việt Nam đã chấp nhận khi gia nhập. Cùng với quá trình này, Việt Nam cần phải tiến hành những hoạt động xây dựng các “chuẩn mực” mới cùng với các nước thành viên của các tổ chức quốc tế. Tuy nhiên, do một số nguyên nhân, nhất là những hạn chế về thể và lực, mức độ tham gia của Việt Nam trong các hoạt động xây dựng những chuẩn mực mới này vẫn còn ở mức thấp.

Thứ ba, các văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng coi đổi mới từ bên trong (đơn phương) và hợp tác song phương theo chuẩn mực chung là một phần của hội nhập quốc tế. Theo đó, hội nhập đa phương lấy hợp tác song phương làm nền tảng và đa phương phục vụ cho song phương. Nhận thức về tầm quan trọng của việc đưa các mối quan hệ ưu tiên đi vào chiều sâu, ổn định và bền vững hay sự phát triển tư duy về quan hệ đối tác là một điểm nhấn quan trọng trong tư duy về hội nhập quốc tế lấy hợp tác song phương làm nền tảng của ngoại giao Việt Nam. Bên cạnh đó, trong gần một thập kỷ trở lại đây, các hoạt động đối ngoại đa phương Việt Nam được mở rộng và đi vào chiều sâu ở tất cả các kênh đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại Quốc hội và đối ngoại Nhân dân, điều đó

đã thể hiện quan điểm coi trọng ngoại giao đa phương trong hội nhập quốc tế của Việt Nam thời kỳ Đổi Mới. Tháng 8/2018, chủ trương về “đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030” đã được cụ thể hóa trong Chỉ thị 25 của Ban Bí thư, một văn chỉ đạo riêng đầu tiên về đối ngoại đa phương của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thứ tư, hội nhập quốc tế của Việt Nam khởi đầu đặt trọng tâm trong lĩnh vực kinh tế và sau đó mở rộng sang các lĩnh vực khác như chính trị - ngoại giao, an ninh - quốc phòng, văn hóa - xã hội, ... Trong giai đoạn đầu, các văn kiện của Đảng chỉ đề cập đến hội nhập kinh tế do đây là lĩnh vực trọng tâm và tiên đề. Đến các đại hội Đảng gần đây, hội nhập trong các lĩnh vực khác đã được định hướng ngày càng rõ hơn, xuất phát từ thực tế là hội nhập kinh tế đã tạo cơ sở để Việt Nam mở rộng hội nhập trên các lĩnh vực khác và hội nhập trên các lĩnh vực khác ngày càng tạo ra môi trường thuận lợi và củng cố mức độ hội nhập kinh tế của Việt Nam. Cùng với đó là sự phát triển tư duy từ hội nhập theo chiều rộng sang hội nhập theo chiều sâu trên từng lĩnh vực và đồng bộ trong nhiều lĩnh vực, có sự hỗ trợ lẫn nhau theo lộ trình, có trọng tâm, trọng điểm.

Thứ năm, tư duy về các cấp độ hội nhập của Việt Nam được thể hiện rõ trong các văn kiện của Đảng. Theo đó, cấp độ hội nhập đi từ thấp đến cao, hội nhập tiểu khu vực và khu vực mang tầm quan trọng chiến lược, được tiến hành trước, bắc cầu cho hội nhập liên khu vực và hội nhập toàn cầu. Đây là một lộ trình phù hợp, phản ánh nhận thức đúng đắn và sâu sắc của Đảng về các xu thế lớn của thời đại cũng như thế và lực của Việt Nam qua từng giai đoạn phát triển cụ thể.

3. Kết luận

Ngày nay, hội nhập quốc tế không chỉ còn là một xu thế mà đã trở thành một hiện thực phổ quát trên phạm vi toàn cầu và tiếp tục có những bước phát triển mạnh mẽ, tác động to lớn tới đời sống mọi mặt của từng quốc gia cũng như của toàn thế giới. Bởi lẽ đó, “hội nhập quốc tế” đã trở thành một thuật ngữ rất phổ biến trong các văn bản chính sách cũng như trong thực tiễn đời sống quốc tế.

Nhận thức được tầm quan trọng của tiến trình hội nhập quốc tế, Việt Nam đã từng bước hình thành và phát triển tư duy về hội nhập quốc tế, làm kim chỉ nam cho các chính sách và hành động hội nhập cụ thể trên mọi lĩnh vực từ kinh tế, chính trị, văn hóa – xã hội tới an ninh – quốc phòng, ... theo lộ trình từ đơn phương tới song phương và đa phương, trên quy mô từ khu vực tới toàn cầu. Trải qua hơn 30 năm tiến hành công cuộc đổi mới đất nước nói chung và đổi mới về đối ngoại nói riêng, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cũng như nâng cao vị thế của đất nước trong khu vực và trên trường quốc tế. Những thành tựu đó là minh chứng hết sức thuyết phục về tính đúng đắn của tư duy hội nhập quốc tế của Việt Nam trong thời kỳ Đổi Mới, là tiền đề quan trọng để Việt Nam tiếp tục thực hiện Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế cũng như hiện thực hóa Chương trình hành động của Chính phủ và Chiến lược tổng thể về hội nhập quốc tế đến 2020 và tầm nhìn đến 2030 trên hầu hết các lĩnh vực. Thực tiễn đối ngoại sẽ tiếp tục kiểm

chứng cho sự phù hợp và tính đúng đắn, đồng thời là cơ sở cho việc hoàn thiện và phát triển hơn nữa tư duy về hội nhập quốc tế của Việt Nam trong bối cảnh quốc tế mới với thế và lực không ngừng thay đổi của Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Ngoại giao, *Hội nhập quốc tế và giữ vững bản sắc*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
- [2] Dương Văn Quảng, *Suy nghĩ về chiều sâu và tính hiệu quả của hội nhập quốc tế từ Đại hội Đảng lần thứ XI đến nay*, Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế, Số 2 (105), tháng 6/2016.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011.
- [6] Vũ Dương Huân (chủ biên), *Ngoại giao Việt Nam hiện đại vì sự nghiệp đổi mới (1975-2002)*, Hà Nội, 2002.
- [7] Phạm Bình Minh (chủ biên), *Đường lối chính sách đối ngoại Việt Nam trong giai đoạn mới*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011.
- [8] Bùi Thanh Sơn (chủ biên), *Hội nhập quốc tế và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2015.
- [9] Nguyễn Cơ Thạch, *Những chuyển biến trên thế giới và tư duy của chúng ta*, Tạp chí Quan hệ Quốc tế, số 1, tháng 01/1990.
- [10] Nguyễn Vũ Tùng (chủ biên), *Chính sách đối ngoại Việt Nam*, tập I (1975-2006), Hà Nội, 2007.
- [11] Báo Điện tử Tạp chí Cộng sản, “*Bàn thêm về khái niệm “hội nhập quốc tế” của Việt Nam trong giai đoạn mới*”, 2012, truy cập ngày 10/4/2019, tại <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/NghienCuu-Traodoi/2012/19013/Ban-them-ve-khai-niem-hoi-nhap-quoc-te-cua-Viet-Nam.aspx>.
- [12] *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 4, trang 520-524, truy cập ngày 25/4/2019, tại: <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/c-mac-angghen-lenin-ho-chi-minh/book/ho-chi-minh/tac-pham/ho-chi-minh-toan-tap-tap-4-271>.
- [13] *Nghị quyết của Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 20 tháng 12 năm 1976*, truy cập ngày 20/4/2019, tại: <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-iv/ngphi-quyet-cua-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-land-thu-iv-cua-dang-1522>.
- [14] *Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế*, 2013, truy cập ngày 10/4/2019, tại: <http://www.mofahcm.gov.vn/vi/mofa/nr091019080134/nr091019083649/ns140805203450>.
- [15] *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV năm 1976*, truy cập ngày 20/4/2019, tại: <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-iv/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-khoa-iii-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-land-thu-iv-cua-dang-1513>.
- [16] *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI năm 1986*, truy cập ngày 20/4/2019, tại: <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-vi/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-v-trinh-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-land-thu-vi-cua-dang-1491>.
- [17] *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII năm 1996*, truy cập ngày 20/4/2019, tại: <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-viii/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-vii-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-land-thu-viii-cua-dang-1549>.
- [18] *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X năm 2006*, truy cập ngày 20/4/2019, tại: <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-x/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-ix-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-land-thu-x-cua-dang-1537>.
- [19] *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII năm 2016*, truy cập ngày 20/4/2019, tại: <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xii/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xi-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-land-thu-xii-cua-dang-1600>.